

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 183/2020/DS-PT  
Ngày: 16 - 6 - 2020  
V/v Tranh chấp thừa kế  
tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Thị Thanh Thúy

*Các Thẩm phán:*

Ông Lê Minh Đạt

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Minh Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 129/2020/TLPT-DS ngày 13 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 84/2019/DS-ST ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 91/2020/QĐPT-DS ngày 16 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1. Bà Trần Thị P, sinh năm 1919 (đã chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà P:

1.1 Bà Dương Thị T, sinh năm 1943

1.2 Bà Dương Thị L, sinh năm 1950

1.3 Bà Dương Thị B N, sinh năm 1955

1.4 Ông Dương Văn X, sinh năm 1960

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bà T, bà L, bà B N ủy quyền cho ông Dương Văn X.

2. Bà Trần Thị N, sinh năm 1924 (đã chết)

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà N:*

2.1 Ông Lê Ngọc V, sinh năm 1955

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2.2 Ông Lê Ngọc K, sinh năm 1958 (đã chết)

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông K:*

2.2.1 Bà Trương Thị Ngọc M, sinh năm 1956

2.2.2 Anh Lê Ngọc Thanh P, sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Bà M, anh P có yêu cầu xét xử vắng mặt).

3. Bà Trần Thị K, sinh năm 1927 (đã chết)

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà K:*

3.1 Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1947

3.2 Bà Nguyễn Thơ Á, sinh năm 1958

3.3 Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1961

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

3.4 Bà Nguyễn Kim B, sinh năm 1964

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

(Bà Đ, bà Thơ Á, bà B ủy quyền cho ông Nguyễn Văn S)

**- Bị đơn:**

1. Bà Trần Thị C, sinh năm 1935

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

(Bà C ủy quyền cho bà Đỗ Thị Thu T, sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre)

2. Bà Trần Thị M, sinh năm 1937 (đã chết)

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà M:*

2.1 Bà Võ Thị B, sinh năm 1937

Địa chỉ: Ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2.2 Ông Võ Hùng C, sinh năm 1963

2.3 Ông Võ Thành Đ, sinh năm 1970

2.4 Ông Trần Minh K, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

(Ông C, ông K ủy quyền cho ông Võ Thành Đ)

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Đỗ Thị Thu T, sinh năm 1968

2. Bà Bùi Minh T, sinh năm 1975

3. Bà Cao Thị Ngọc M, sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Bà M ủy quyền cho ông Võ Thành Đ)

4. Phạm Thị Huỳnh N, sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Bà N ủy quyền cho ông Võ Hùng C)

5. Ông Đỗ Minh L, sinh năm 1960

6. Bà Phan Thị Mỹ L, sinh năm 1959

7. Anh Đỗ Đăng K, sinh năm 1993

8. Ông Đỗ Đăng P, sinh năm 1965

(Bà L, anh K ủy quyền cho ông L)

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.

9. Ông Đỗ Ngọc L, sinh năm 1971

10. Bà Dương Thị T, sinh năm 1978

(Ông P, ông L, bà Dương Thị T ủy quyền cho bà Đỗ Thị Thu T)

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.

11. Ông Đỗ Ngọc L, sinh năm 1973

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện C tỉnh Bến Tre.

Anh L ủy quyền cho bà Đỗ Thị Thu T tham gia tố tụng.

12. Ông Nguyễn Văn K (chết).

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông K:*

12.1 Ông Nguyễn Văn L (đã chết).

12.2 Bà Hồ Thị E (đã chết)

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà E và ông L:*

- Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1959. Địa chỉ: Ấp T, xã Tiên T huyện Châu Thành tỉnh Bến Tre. (Ông Đ có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

### 13. Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành

Đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành: Ông Dương Văn Phúc - Chủ tịch UBND huyện Châu Thành. (Ông Phúc có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của các nguyên đơn bà Trần thị K, bà Trần Thị N, bà Trần Thị P: Ông Nguyễn Văn S, ông Lê Ngọc V, ông Dương Văn X.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Dương Thị T, bà Dương Thị L, bà Dương Thị B N, ông Dương Văn X, ông Lê Ngọc V, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thơ Á, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị Kim B là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của các nguyên đơn trình bày:*

Ông bà ngoại của các đồng nguyên đơn là cụ Trần Văn M sinh năm 1889 chết năm 1956, cụ Nguyễn Thị C sinh năm 1897 chết năm 1972 có năm người con chung là bà Trần Thị P, bà Trần Thị N, bà Trần Thị K, bà Trần Thị C, bà Trần Thị M. Bà P, bà Năm, bà K, bà M đã chết. Bà Dương Thị T, bà Dương Thị L, bà Dương Thị B N, ông Dương Văn X là con của bà Trần Thị P. Ông Lê Ngọc V, ông Lê Ngọc K là con của bà Trần Thị N. Ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thơ Á, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị Kim B là con của bà Trần Thị K. Cụ C còn có người con riêng là ông Nguyễn Văn K (Đã chết).

Lúc sinh thời, cụ M cụ C có mua của bà Dương Thị Nhu 6144m<sup>2</sup> đất vườn tạp và 9900m<sup>2</sup> đất ruộng tại xã Tiên T, huyện Châu Thành tỉnh Bến Tre. Cụ M, cụ C chết và không để lại di chúc. Năm 1979, bà P, bà Năm, bà K, thấy bà C, bà M lập gia đình sau, con cái còn nhỏ, cuộc sống khó khăn nên tạm giao cho bà C canh tác và hưởng hoa lợi phần đất vườn tạp và ruộng nay thuộc thửa mới 165 tờ 24, tạm giao cho bà M canh tác và hưởng hoa lợi phần đất vườn tạp thuộc thửa mới 109 tờ 24 là các thửa đất của cụ M cụ C để lại. Sau đó bà C đã giao phần đất thửa 165 cho con là Đỗ Minh L canh tác.

Đến ngày 17/12/1991 bà M, ông Đỗ Minh L là con bà C tự ý kê khai các phần đất nêu trên và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. năm 2006, khi bà P, bà Năm, bà K, bà C, bà M họp mặt để bàn bạc phân chia đất của cha mẹ để lại thì mới biết phần đất bà M, ông L đã đứng tên quyền sử dụng đất. Khi đó bà C, bà M đều đồng ý phân chia phần đất của cha mẹ để lại. Việc họp mặt 3 lần nhưng không thống nhất được cách chia nên bà P, bà Năm, bà K mới

gởi đơn nhờ C quyền giải quyết. Lúc hòa giải tại cơ sở ấp, bà C, bà M trực tiếp tham dự đồng ý chia theo ý của bà C, bà M, Bà P, bà Năm, bà K không đồng ý cách chia của bà C, bà M nên bà P, bà Năm, bà K khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của ba mẹ để lại. Nay bà P, bà Năm, bà K đã chết, bà Dương Thị T, bà Dương Thị L, bà Dương Thị B N, ông Dương Văn X là con của bà Trần Thị P, ông Lê Ngọc V, ông Lê Ngọc K là con của bà Trần Thị N. ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thơ Á, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị Kim B là con của bà Trần Thị K là người thừa kế có yêu cầu Tòa án chia thừa kế phần đất của cụ M cụ C để lại, cụ thể là phần đất 8184m<sup>2</sup> thuộc thửa mới 165 tờ 24, phần đất 6741,4m<sup>2</sup> thuộc thửa mới 109 tờ 24 tại xã Tiên T làm 6 phần, bà T, bà L, bà B N, ông X được nhận 1 phần là 2487m<sup>2</sup>, ông V, ông K được nhận 1 phần là 2487m<sup>2</sup>, ông S, bà Thơ Á, bà Đ, bà B mỗi người được nhận một phần là 2487m<sup>2</sup>. Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Châu Thành cấp cho bà Trần Thị M ngày 17/12/1991 phần đất thửa 166, 167 tờ 1, và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Châu Thành cấp ông Đỗ Minh L ngày 17/12/1991 phần đất thửa 468, 469, 470 tờ 1, đất tại xã Tiên T huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Nếu được chia thừa kế các đồng nguyên đơn đồng ý bồi hoàn giá trị cây trồng theo giá hội đồng định giá đã định, không đồng ý bồi hoàn giá trị nhà trên đất do cất sau này.

Về kết quả đo đạc định giá, các đồng nguyên đơn thống nhất và không ý kiến. Về chi phí đo đạc, định giá trưng cầu giám định, trích lục hồ sơ các đồng nguyên đơn tự nguyện nộp.

*Trong quá trình giải quyết vụ án,*

*- Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn bà Trần Thị C là chị Đỗ Thị Thu T trình bày:*

Bà C thống nhất lời trình bày của những người thừa kế của nguyên đơn về quan hệ gia đình. Vào năm 1972 bà Nguyễn Thị C chết có để lại 12.890m<sup>2</sup> đất cho hai người con là Trần Thị M 5000m<sup>2</sup>, bà Trần Thị P gần 8 công đất ruộng pha lẫn đất vườn và bãi bồi. Sau đó bà P đã chuyển sang làm vườn gần 4 công, phần còn lại làm ruộng.

Năm 1980, bà P kêu cho lại bà C là em ruột bà P khoảng 4 công đất vườn pha bãi bồi chưa có huê lợi, đất trống còn hoang hóa khoảng 50%, còn khoảng 4 công đất ruộng bà P cho con rể là Lê Tấn Đạt canh tác. Năm 1982, bà C lấy toàn bộ phần đất của bà P cho bà C cho lại con là Đỗ Minh L. Năm 1982, thực hiện chủ trương vào tập đoàn, Lê Tấn Đạt thừa đất nên giao 4 công đất ruộng lại cho Đỗ Minh L. Đỗ Minh L đưa toàn bộ đất ruộng vào tập đoàn, tập đoàn khoán lại khoảng 2 công, 2 công còn lại tập đoàn cấp cho bà Nguyễn Thị Định người

cùng ấp Khánh Hội Tây. Sau khi tập đoàn tan rã, Đỗ Minh L đòi lại 2 công đất ruộng của bà Định, bà Định giao trả lại cho L, ông L canh tác đất từ đó đến nay. Năm 1991, UBND huyện Châu Thành xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Đỗ Minh L với diện tích là 7890m<sup>2</sup> không ai khiếu nại. Như vậy toàn bộ phần đất trên là tài sản riêng của ông L. Bà C không đồng ý yêu cầu đòi chia đất của bà P, bà K, bà Năm cũng như người thừa kế của bà P, bà K, bà Năm. Hiện nay bà C không quản lý phần đất nào của ông M, bà C để lại.

*- Người thừa kế quyền nghĩa vụ của bị đơn bà Trần Thị M là ông Võ Thành Đ, bà Võ Thị B đồng thời được sự ủy quyền của ông Võ Hùng C, ông Trần Minh K trình bày:*

Bà Trần Thị M ông Võ Văn Huyện có 4 người con là bà Võ Thị B, ông Võ Hùng C, ông Võ Thành Đ, ông Trần Minh K. Bà M sinh năm 1937 đã chết vào năm 2012. Lúc bà M còn sống, bà M có quản lý phần đất 6741m<sup>2</sup> nay thửa 109 tại xã Tiên T, huyện Châu Thành tỉnh Bến Tre. Đất này bà M canh tác từ năm 1965 đến năm 2012. Đất có nguồn gốc của cụ M cụ C để lại. Năm 1965, cụ C bệnh, cụ C kêu bà M về nuôi cụ C, cụ C cho bà M 5 công đất, khi đó cụ C có nói là phần đất này bà M quản lý sau này để làm đất hương hỏa thờ cúng ông bà. Trên phần đất này có nhà của vợ chồng Võ Hùng C, Nguyễn Thị N, nhà của vợ chồng Võ Thành Đ, Cao Thị Ngọc M. Năm 1965, khi cụ C cho đất bà M, các chị em của bà M đều đồng ý không ai tranh chấp. Bà M đã chết, nay các con của bà M không đồng ý chia thừa kế phần đất thửa 109 của bà M để lại, vì đây là tài sản riêng của bà M.

Về kết quả đo đạc định giá, bà B, ông Đ không ý kiến

*Trong quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

*- Ông Đỗ Minh L đồng thời được sự ủy quyền của Phạm Thị Mỹ L, Đỗ Đăng K trình bày:*

Ông L thống nhất lời trình bày của bà C là đúng. Sau năm 1975, bà Năm, bà P, bà K, bà M kêu bà C và gia đình ông L về canh tác đất và cho đất bà C. Khi bà C và ông L về canh tác đất thì chỉ có phân nửa là đất vườn, còn lại là đất ruộng và đất hoang. Sau khi nhận đất, ông L đã cải tạo đất, lên vườn và canh tác đến hôm nay. Năm 1991, khi đo đạc làm Sổ đỏ, bà C đồng ý để phần đất thửa 165 cho ông L đứng tên sổ đỏ. Hiện nay ông L là người trực tiếp quản lý phần đất thửa 165, ông L không đồng ý chia thừa kế phần đất thửa 165 theo yêu cầu của các con bà P, bà Năm, bà K. Về kết quả đo đạc, định giá ông L thống nhất không ý kiến.

Đối với các biên bản hòa giải của Hội đồng hòa giải xã Tiên T, ông L

không đồng ý. Cụ thể

Biên bản lúc 9 giờ ngày 07/11/2007 về việc thống nhất giữa những người thừa kế di sản của cha mẹ để lại, có hai biên bản cùng giờ, cùng ngày, cùng tháng, cùng năm do một người viết với hai nội dung khác nhau và có xác nhận của Ủy ban do hai người ký. Thành phần tham dự phía ủy ban chỉ có duy nhất ông Nguyễn Thành T cán bộ địa C xã chủ trì cuộc họp. Phía đương sự vắng mặt bà Trần Thị M là bị đơn, nhưng trong Biên bản lại có ý kiến và chữ ký của bà M.

Biên bản thứ hai: cùng lúc 09 giờ ngày 07/11/2007 không có chữ ký của hai bên. Biên bản này do ông Nguyễn Thành Tâm tự viết.

Biên bản vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 04/6/2008 thật sự không có cuộc họp vào ngày này.

Trong hồ sơ thiếu biên bản hòa giải tháng 4/2007.

- Ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Ông Đ là cháu của cụ Trần Văn M cụ Nguyễn Thị C. Ông nội của ông Đ là ông Nguyễn Văn K. Ông K là con riêng của bà C. Ông K đã chết. Ông Đ là con của ông Nguyễn Văn L bà Hồ Thị E. Ông L chết năm 1992, bà E chết năm 2010. Đối với phần đất ông Đỗ Minh L đứng tên quyền sử dụng đất thuộc thửa 165 tờ 24 tại xã Tiên T huyện Châu Thành tỉnh Bến Tre. Phần đất này vào khoảng năm 1978-1979 do bà Dương Thị T và một số người khác trong gia đình quản lý trước khi vào tập đoàn. Khi tập đoàn tan rã, chia đất ra giao cho ông Đỗ Minh L quản lý canh tác một phần và chia cho những người trong gia đình quản lý một phần, ai nhận đất cụ thể thì ông Đ không rõ. Ông L canh tác đất thời gian nào ông không rõ. Đối với phần đất ông L đang quản lý canh tác thuộc thửa 165 nêu trên, ông Đ không tranh chấp, không yêu cầu chia thừa kế. Ông Đ cũng không có công sức đóng góp gì trên phần đất nêu trên.

Đối với phần đất bà Trần Thị M đứng tên quyền sử dụng đất thuộc thửa 109 tờ 24 tại xã Tiên T Châu Thành Bến Tre. Phần đất này bà M đã được thừa hưởng của cha mẹ, quản lý từ rất lâu trước thời gian vào tập đoàn. Bà M canh tác đất lên tục và không đưa đất vào tập đoàn. Bà M đã chết, phần đất này các con của bà M canh tác. Ông Đ không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án chia thừa kế đối với phần đất của bà M để lại. Ông Đ có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

- Anh Lê Ngọc Thanh P trình bày: Anh P là con của ông Lê Ngọc K bà Trương Thị Ngọc M. Ông K đã chết vào ngày 12/5/2018AL. Ngày 20/10/2017, ông Lê Ngọc K có đơn khởi kiện đối với bà C, các con của bà M về việc tranh chấp thửa đất 109, 165 tờ 24 tại xã Tiên T huyện Châu Thành tỉnh Bến Tre. Ông

K đã chết, nay anh P không tranh chấp đối với 2 thửa đất nêu trên. Nếu sau này Tòa án giải quyết chia thừa kế 2 thửa đất nêu trên, anh P đồng ý tạm giao cho ông Lê Ngọc V được quản lý canh tác phần đất ông K, ông V được nhận thừa kế. Anh P có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

- UBND huyện Châu Thành tỉnh Bến Tre trình bày: Việc UBND huyện Châu Thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Minh L, bà Trần Thị M là đúng trình tự luật định, không đồng ý hủy việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M, ông L.

*Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, tại bản án dân sự sơ thẩm số: 84/2020/DS-ST ngày 06/12/2019 đã quyết định:*

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị T, bà Dương Thị L, bà Dương Thị B N, ông Dương Văn X - người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị P về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 136568 do UBND huyện Châu Thành tỉnh Bến Tre cấp cho bà Trần Thị M vào ngày 17/12/1991 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A411755 do UBND huyện Châu Thành tỉnh Bến Tre cấp cho ông Đỗ Minh L vào ngày 17/12/1991.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Ngọc V - người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị N về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 136568 do UBND huyện Châu Thành tỉnh Bến Tre cấp cho bà Trần Thị M vào ngày 17/12/1991, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A411755 do UBND huyện Châu Thành tỉnh Bến Tre cấp cho ông Đỗ Minh L vào ngày 17/12/1991.

3. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thơ Á, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị Kim B - người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị K về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 136568 do UBND huyện Châu Thành tỉnh Bến Tre cấp cho bà Trần Thị M vào ngày 17/12/1991, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A411755 do UBND huyện Châu Thành tỉnh Bến Tre cấp cho ông Đỗ Minh L vào ngày 17/12/1991.

4. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị T, bà Dương Thị L, bà Dương Thị B N, ông Dương Văn X - người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị P về việc yêu cầu chia thừa kế phần đất diện tích 8184m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 165 tờ 24, phần đất diện tích 6741,4 m<sup>2</sup> thuộc thửa 109 tờ 24 tại xã Tiên T, huyện Châu Thành tỉnh Bến Tre.

5. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Ngọc V - người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị N về việc yêu cầu chia thừa kế phần đất diện tích 8184m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 165 tờ 24, phần đất diện tích 6741,4 m<sup>2</sup> thuộc thửa



109 tờ 24 tại xã Tiên T, huyện Châu Thành tỉnh Bến Tre.

6. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thơ Á, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị Kim B - người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị K về việc yêu cầu chia thừa kế phần đất diện tích 8184m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 165 tờ 24, phần đất diện tích 6741,4 m<sup>2</sup> thuộc thửa 109 tờ 24 tại xã Tiên T, huyện Châu Thành tỉnh Bến Tre.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí án phí, quyền và thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/12/2019 những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của các nguyên đơn bà Trần thị K, bà Trần Thị N, bà Trần Thị P: Ông Nguyễn Văn S, ông Lê Ngọc V, ông Dương Văn X kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia phần đất thuộc thửa 165 và 109 cho năm người con của cụ C và cụ M. Bị đơn không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cụ Trần Văn M, cụ Nguyễn Thị C. Cụ M chết vào năm 1956, cụ C chết vào năm 1972, phần đất có diện tích 8184m<sup>2</sup> thuộc thửa 165 tờ 24 và phần đất diện tích 6741,4m<sup>2</sup> thuộc thửa 109 tờ bản đồ 24, tọa lạc tại xã Tiên T huyện Châu Thành tỉnh Bến Tre. Cụ M và cụ C chết không để lại di chúc. Cụ M và cụ C có năm người con, trong đó bà Trần Thị N, bà Trần Thị P, bà Trần Thị K đã chết. Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà P là bà T, bà L, bà B N, ông X; người kế thừa quyền nghĩa vụ của bà Năm là ông V, người kế thừa quyền nghĩa vụ của bà K là ông S, bà Thơ Á, bà Đ, bà Kim B có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ M và cụ C.

Năm 1965, cụ C, cụ M và năm người con đồng ý giao phần đất thuộc thửa

109 cho bà M canh tác. Phần đất thửa 165 bà P là người trực tiếp canh tác. Năm 1978, bà P giao lại cho bà C canh tác phần đất vườn khoảng 4 công, 4 công đất ruộng bà P giao cho con rể là Lê Tấn Đạt quản lý sử dụng. Năm 1982, bà C giao phần đất vườn cho con là ông Đỗ Minh L canh tác. Năm 1982, thực hiện chủ trương vào tập đoàn, ông Lê Tấn Đạt giao 04 công đất ruộng cho ông L canh tác. Ông L đưa toàn bộ 04 công đất ruộng vào tập đoàn, tập đoàn đã khoán lại cho ông L 02 công canh tác, 02 công giao cho bà Nguyễn Thị Định canh tác. Sau khi tập đoàn tan rã bà Định đã trả 02 công đất ruộng lại cho ông L canh tác. Đến ngày 17/12/1991 thì ông L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 7890m<sup>2</sup> (qua đo đạc thực tế diện tích là 8184m<sup>2</sup>), như vậy đây là tài sản của ông L.

Nhận thấy các nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh về việc tạm giao đất cho bà C, bà M sử dụng cũng như bà C, ông L và bà M được tặng cho đất. Thực tế sử dụng đất thì thửa 109 do bà M quản lý sử dụng từ năm 1965 và thửa 165 do bà C, ông L quản lý sử dụng từ năm 1978 đến nay. Việc ông L đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sau đó được cấp đổi năm 2014 cũng không ai có ý kiến khiếu nại.

[2] Quá trình giải quyết tranh chấp tại địa phương: Nguyên đơn căn cứ vào các biên bản hòa giải của UBND xã Tiên T ngày 03/12/2006, ngày 07/11/2007, ngày 04/6/2008, biên bản xác minh ngày 27/3/2007 bà C, bà M đều thống nhất là tài sản chung của cha mẹ là cụ M và cụ C để lại chưa chia và cũng đồng ý chia nhưng không thống nhất cách chia nên mới khởi kiện. Nhận thấy: Có hai biên bản cùng giờ, cùng ngày 07/11/2007 nhưng nội dung không giống nhau, một biên bản có đương sự ký tên, một biên bản không có đương sự ký tên. Ông L cho rằng biên bản có bà M ký tên nhưng không tham dự và không có biên bản ngày 04/6/2008, đồng thời thiếu biên bản tháng 4/2007. Tại biên bản làm việc ngày 21/01/2016 thì người ghi biên bản ông Nguyễn Thành Tâm xác định biên bản ngày 07/11/2007 sau khi ông lập xong thì có đưa cho cho ông K (là người đại diện cho bà Trần Thị M vắng mặt) đem về nhà cho bà M ký tên nên không có căn cứ xác định chữ ký trong biên bản này có phải của bà M hay không. Đối với biên bản còn lại cũng cùng ngày 07/11/2007 không có đương sự ký tên thì đáng lẽ phải bỏ ra chứ không lưu hồ sơ. Ông Tâm còn trình bày không có cuộc hòa giải nào vào ngày 04/6/2008 mà do ông ghi sửa lại. Đối với hai biên bản ngày 07/11/2007 và 04/6/2008 thì Ủy ban nhân dân xã Tiên T cũng đã có tờ trình xin rút và hủy bỏ bởi cả hai biên bản này đều không đảm bảo về mặt pháp lý.

Biên bản hòa giải tại xã Khánh Hội Tây ngày 03/12/2016 và biên bản xác minh ngày 27/3/2007 thì bà C, bà M không xác định phần đất tranh chấp là tài

sản chung của cha mẹ chưa chia, chỉ đồng ý chia đất theo ý bà C, bà M nhưng bà P, bà Năm, bà K không đồng ý nên nhờ pháp luật giải quyết.

Từ những phân tích trên thấy rằng không có đủ cơ sở xác định bà C, bà M thừa nhận phần đất tranh chấp là tài sản chung của cha mẹ để lại chưa chia và hiện nay đất là do bà M, ông L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên phần đất tranh chấp hiện không còn là di sản của cụ M và cụ C để lại. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ, kháng cáo của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của các nguyên là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Bản án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp nên được giữ nguyên.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông X có nghĩa vụ chịu án phí phúc thẩm; ông S, ông V được miễn án phí phúc thẩm.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của các nguyên đơn bà Trần thị K, bà Trần Thị N, bà Trần Thị P: Ông Nguyễn Văn S, ông Lê Ngọc V, ông Dương Văn X.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 84/2019/DS-ST ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng Điều 36 Pháp lệnh 90 ngày 09/10/1990, Điều 247, 645 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 ;

Căn cứ các Điều 147, 227, 232, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể tuyên:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị T, bà Dương Thị L, bà Dương Thị B N, ông Dương Văn X - người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị P về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 136568 do UBND huyện Châu Thành tỉnh Bến Tre cấp cho bà Trần Thị M vào ngày 17/12/1991 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A411755 do UBND

huyện Châu Thành tỉnh Bến Tre cấp cho ông Đỗ Minh L vào ngày 17/12/1991.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Ngọc V - người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị N về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 136568 do UBND huyện Châu Thành tỉnh Bến Tre cấp cho bà Trần Thị M vào ngày 17/12/1991, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A411755 do UBND huyện Châu Thành tỉnh Bến Tre cấp cho ông Đỗ Minh L vào ngày 17/12/1991.

3. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thơ Á, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị Kim B - người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị K về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 136568 do UBND huyện Châu Thành tỉnh Bến Tre cấp cho bà Trần Thị M vào ngày 17/12/1991, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A411755 do UBND huyện Châu Thành tỉnh Bến Tre cấp cho ông Đỗ Minh L vào ngày 17/12/1991.

4. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị T, bà Dương Thị L, bà Dương Thị B N, ông Dương Văn X - người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị P về việc yêu cầu chia thừa kế phần đất diện tích 8184m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 165 tờ 24, phần đất diện tích 6741,4 m<sup>2</sup> thuộc thửa 109 tờ 24 tại xã Tiên T, huyện Châu Thành tỉnh Bến Tre.

5. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Ngọc V - người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị N về việc yêu cầu chia thừa kế phần đất diện tích 8184m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 165 tờ 24, phần đất diện tích 6741,4 m<sup>2</sup> thuộc thửa 109 tờ 24 tại xã Tiên T, huyện Châu Thành tỉnh Bến Tre.

6. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thơ Á, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị Kim B - người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị K về việc yêu cầu chia thừa kế phần đất diện tích 8184m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 165 tờ 24, phần đất diện tích 6741,4 m<sup>2</sup> thuộc thửa 109 tờ 24 tại xã Tiên T, huyện Châu Thành tỉnh Bến Tre.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Bà Dương Thị T, bà Dương Thị L, bà Dương Thị B N, ông Dương Văn X phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Số tiền án phí của bà Dương Thị T, bà Dương Thị L, bà Dương Thị B N, ông Dương Văn X phải nộp nêu trên được trừ số tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp theo biên lai số 006620 ngày 28/7/2008, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Hoàn lại cho bà Dương Thị T, bà Dương Thị L, bà Dương Thị B N, ông Dương Văn X 2.500.000đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng).

- Ông Lê Ngọc V phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Số tiền án phí của ông V phải nộp nêu trên được trừ số tiền tạm ứng án phí bà Năm đã nộp theo biên lai số 006622 ngày 28/7/2008, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Hoàn lại cho ông V 2.500.000đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng).

- Ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thơ Á, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị Kim B phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Số tiền án phí của ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thơ Á, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị Kim B phải nộp nêu trên được trừ số tiền tạm ứng án phí bà K đã nộp 006621 theo biên lai số 006621 ngày 28/7/2008, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Hoàn lại cho ông S, bà Á, bà Đ, bà Kim B 2.500.000đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng).

#### 5. Án phí phúc thẩm:

- Ông Dương Văn X phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009602 ngày 18/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Ông X đã nộp xong.

- Ông Lê Ngọc V và ông Nguyễn Văn S được miễn án phí phúc thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại, các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

#### Nơi nhận:

- Vụ GDKT I TANDTC;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV & THA;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Thị Thanh Thúy**